

Số: 63/2021/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 15 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Minh C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển số 01 ngày 18/10/1988 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 04/01/2021; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/01/2021; ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 02 con chung tên Phạm Anh K, sinh năm 1990 và Phạm Tuấn K, sinh năm 2000 đều trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tự nguyện ly hôn; con chung đều đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết số 91 quyển số 01 ngày 18/10/1988 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Anh K, sinh năm 1990 và Phạm Tuấn K, sinh năm 2000 đều trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ xác định không có.

2. Về lệ phí: Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đều là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc